

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày: 11/01/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Văn Thịnh

2. Ông Nguyễn Văn Thuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Miên – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLST - DS, ngày 28 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Phú T1, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm M, xã P, huyện P, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1983 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Tổ 17, phường T2, thành phố T, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: Khu tập thể A, thuộc địa phận xóm L, xã C, huyện P, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Anh T3, sinh năm 1984, địa chỉ: Khu tập thể A, thuộc địa phận xóm L, xã C, huyện P, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Phạm Phú T1 trình bày: Khoảng cuối tháng 6/2018, chị Phạm Thị Thanh H chủ động gọi cho tôi đặt vấn đề mua cám. Để tạo sự tin tưởng, chị H đã mời tôi xuống xem mô hình chăn vịt mà chị đang nhận phạm nhân sản xuất tại lô đất của trại thuộc xóm L, xã C, huyện P, tỉnh T. Chị H đặt vấn đề mua cám với tôi, tôi đã bán cám cho chị H 02 lần với tổng số tiền là 135.711.000 đồng, đến nay chị H chưa trả được. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H và anh T3 trả tôi số tiền 135.711.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận.

Bị đơn – chị Phạm Thị Thanh H trình bày: Vào ngày 30/6/2018, tôi có mua của anh Phạm Phú T1 360 bao cám chăn vịt theo giá đầu tư và anh T1 đã chấp nhận đầu tư số cám cho tôi chăn nuôi vịt. Ngày 30/6/2018, tôi mua của anh T1 360 bao cám vịt với số tiền là 73.911.000 đồng. Ngày 03/8/2018, tôi mua của anh T1 300 bao cám với số tiền là 61.800.000 đồng. Theo dự kiến, sau 60 ngày thì tôi sẽ thanh toán một nửa số tiền trên cho anh T1, tuy nhiên tôi đã không trả được theo dự kiến ban đầu, vì giá cả bán vịt rất thấp, thương lái họ không thu mua nên tôi phải mua cám vịt ở ngoài để chăn nuôi cầm cự đến lúc tìm được thương lái đến mua. Đến nay, tổng số tiền tôi còn nợ anh T1 là 135.711.000 đồng. Anh T1 khởi kiện yêu cầu tôi phải trả số tiền trên tôi xác định sẽ có trách nhiệm trả nợ cho anh T1, mỗi tháng tôi sẽ trả 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền trên cho anh T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Khoảng tháng 10 năm 2018, tôi có thấy anh Phạm Phú T1 tới chỗ tôi nói chuyện với vợ tôi về việc đầu tư cám để vợ tôi chăn nuôi vịt. Quá trình vợ tôi và anh T1 thỏa thuận như nào, giá cả ra sao, hay bất kỳ giao dịch giữa vợ tôi và anh T1 tôi đều không biết. Tôi chỉ biết có 1 – 2 lần anh T1 có chở cám tới cho vợ tôi chăn nuôi vịt. Việc thanh toán tiền cám giữa vợ tôi và anh T1 như nào tôi cũng không được biết. Đến tháng 1/2019, thì tôi được biết anh T1 có tới tìm vợ tôi yêu cầu trả tiền cám và viết giấy vay nợ tiền cám. Tháng 9/2019, tôi nhận được giấy gọi của Công an huyện Phú Lương về việc tố cáo của anh Phạm Phú T1. Chúng tôi đã có mặt tại Công an huyện Phú Lương theo đúng giấy gọi và hoàn tất các thủ tục, lời khai với Công an huyện Phú Lương.

Do các đương sự chưa thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung của vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên tòa, anh Phạm Phú T1 vẫn giữ nguyên quan điểm của mình là đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị H cùng với anh T3 phải trả lại số tiền mua cám chưa trả là 135.711.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử đi vào nghị án đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Phía nguyên đơn là anh T1 đã giao đủ hàng cho bị đơn là chị H. Khi giao dịch và ký nợ chỉ thể hiện chị H đứng ra ký nhận nợ. Do vậy chỉ buộc chị H1 phải thanh toán số tiền mua bán cho anh Thái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn là anh Phạm Phú T1 và chị Phạm Thị Thanh H, chị H hiện đang ở tại tập thể A, xã C, huyện P, tỉnh T. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì

vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về nội dung vụ án: Tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều thừa nhận: ngày 30/6/2018, anh T1 bán cho chị H 360 bao cám vịt với số tiền là 73.911.000 đồng, ngày 03/8/2018, anh T1 bán cho chị H 300 bao cám với số tiền là 61.800.000 đồng, tổng số tiền hai bên giao dịch mua bán với nhau là 135.711.000 đồng, việc mua bán không lập hợp đồng bằng văn bản mà chỉ ghi sổ và chốt nợ với nhau. Đến nay, chị H vẫn chưa thanh toán được số tiền trên cho anh T1, mặc dù anh T1 đã nhiều lần yêu cầu chị H trả tiền. Xét thấy, việc giao dịch mua bán giữa anh T1 và chị H là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không bị pháp luật cấm, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do vậy, cần áp dụng Điều 357, 430, 440, 468, buộc chị H phải trả tiền cám cho anh T1.

Chị H là vợ của anh Hoàng Anh T3, hai anh chị cùng ở với nhau ở khu tập thể A. Tại bản tự khai, anh T3 khai không biết giao dịch mua bán cám giữa chị H và anh T1 diễn ra như nào, chị H cũng xác định anh T3 không tham gia, không biết việc giao dịch mua bán cám với anh T1, mặt khác, các tài liệu trong hồ sơ không thể hiện anh T3 có giao dịch với anh Thái. Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng như sau: *“Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: 1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm.....”*.

Do vậy, không có cơ sở để buộc anh T3 phải có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch giữa chị H và anh T1.

[3] Về lãi suất: Anh T1 yêu cầu chị H phải trả lãi của số tiền còn nợ, lãi suất là 1%/tháng, tính từ ngày 03/11/2018. Xét thấy yêu cầu của anh T1 là chính đáng nên cần được chấp nhận. Cụ thể $135.711.000 \times 1\% \times 38 \text{ tháng} = 51.570.180$ đồng.

[4] Về án phí: Cần buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên là phù hợp, có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 440, 468 BLDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Phú T1. Buộc chị Phạm Thị Thanh H có trách nhiệm trả cho anh Phạm Phú T1 số tiền 135.711.000 đồng và 51.570.180 đồng tiền lãi. Tổng cộng 187.281.180 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi một nghìn một trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí: Buộc chị H phải chịu 9.364.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Trả lại cho anh Phạm Phú T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003234 ngày 28/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên là 3.392.775 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết được quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đối với người có mặt, 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS Phú Lương;
- Lưu HSVA, VP, TP, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Đức Long

THÀNH VIÊN HĐXX

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Lương Đức Long

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS Phú Lương;
- - Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ma Quang Nhanh

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng Nam

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lưu Thắng

